

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 2418/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 26 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN
ĐỊA BÀN VÙNG NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011 – 2015 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 05 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai tại Tờ trình số 2029/TTr-SNN ngày 09/9/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Giao trách nhiệm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai - cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh Đồng Nai chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chương trình; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh

theo dõi việc thực hiện Chương trình, kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh xử lý những vấn đề vướng mắc, phát sinh liên quan trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Vĩnh

CHƯƠNG TRÌNH

**MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG NÔNG THÔN
TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011 – 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2011 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 05 năm 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai.

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2008 - 2010

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai (gọi tắt Quyết định 74) về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2008 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2015, Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 28/12/2008 của Tỉnh ủy (Kế hoạch 97) về thực hiện Nghị quyết số 26/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn” đã quyết định các chỉ tiêu, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện theo từng lĩnh vực, làm cơ sở cho các Cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

Sau hơn 02 năm thực hiện Đề án của UBND tỉnh và Kế hoạch 97 của Tỉnh ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã chuyển dịch theo hướng tích cực, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi ngày càng được quan tâm, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp có chiều hướng giảm dần; kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội nông thôn từng bước được cải thiện. Các cơ sở y tế đã dần được nâng cấp, xây mới theo hướng đạt chuẩn, có bác sỹ phục vụ thường xuyên. Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, Trung tâm Học tập Cộng đồng tại các xã hoạt động tốt, có nhiều hoạt động thiết thực đối với đời sống nhân dân: Mở các lớp chuyển giao kỹ thuật chăm sóc cây trồng vật nuôi, lớp dạy nghề lái xe...; trung tâm văn hóa - thể thao được xây dựng và có đầy đủ các bộ môn nên ngày một thu hút đông đảo nhân dân đến sinh hoạt và hoạt động thể dục thể thao; đài truyền thanh hoạt động có chất lượng, hiệu quả, thông tin kịp thời các chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân. Tình hình an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội trên luôn được giữ vững; môi trường sinh thái được quan tâm bảo vệ và ngày càng cải thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ công chức, lực lượng vũ trang và mọi người dân đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông thôn được nâng lên, tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện.

1. Kết quả chung

Thu nhập bình quân đầu người tăng hàng năm đạt 13% (vượt 3% so với chỉ tiêu, Quyết định 74 và Kế hoạch 97); tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống 1% theo chuẩn nghèo 2006 - 2010

và 3% theo chuẩn nghèo mới 2010; (đạt chỉ tiêu theo Quyết định 74 và Kế hoạch 97); tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường xã quản lý bình quân đạt 44,6%, tăng trên 24,6% so với năm 2009 (chưa đạt chỉ tiêu theo Quyết định 74 và Kế hoạch 97 là 70%); tỷ lệ hộ dùng điện đạt 98%, tăng 9% so với năm 2009 (vượt 9% so với chỉ tiêu theo Quyết định 74 và Kế hoạch 97); tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt 96%, tăng 6% so với năm 2009 (vượt 6% so với chỉ tiêu theo Quyết định 74 và Kế hoạch 97)...

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Quyết định 74 và Kế hoạch 97

- Có 03/18 xã đạt 100% (33/33 tiêu chí) về xây dựng nông thôn mới (xã Xuân Định, Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh).

- Có 01/18 xã đạt trên 97% (là 32/33 tiêu chí) xây dựng nông thôn mới của tỉnh (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch).

- Có 04/18 xã đạt từ 76 - 88% (là 25 - 29/33 tiêu chí) xây dựng nông thôn mới của tỉnh (xã Hưng Thịnh, Thanh Bình - huyện Trảng Bom; xã Bình Lộc - thị xã Long Khánh; xã Phú Xuân - huyện Tân Phú).

- Có 10/18 xã đạt từ 48% đến dưới 73% (là từ 16 - 24/33 tiêu chí) xây dựng nông thôn mới của tỉnh (xã Phú Thịnh - huyện Tân Phú; xã Xuân Bảo, xã Bảo Bình - huyện Cẩm Mỹ; xã Phú Vinh, Phú Túc - huyện Định Quán; xã Bàu Hàm II, xã Hưng Lộc - huyện Thống Nhất; xã Long Phước - huyện Long Thành, xã Tân An, Trị An - huyện Vĩnh Cửu).

- Bình quân đạt các Tiêu chí theo Quyết định 74 (số xã được đánh giá là 18/18 xã điểm nông thôn của tỉnh).

+ Tiêu chí đạt và vượt là: 24/33 tiêu chí.

+ Tiêu chí chưa đạt: 9/33 tiêu chí.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010 của UBND tỉnh về Ban hành Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai

- Đánh giá theo tiêu chí: 19 tiêu chí.

+ Tiêu chí đạt và vượt: 1/19 tiêu chí.

+ Tiêu chí chưa đạt: 18/19 tiêu chí.

- Đánh giá theo tiểu tiêu chí: 56 tiểu tiêu chí.

+ Tiểu tiêu chí đạt: 13/56 tiểu tiêu chí.

+ Tiểu tiêu chí chưa đạt: 43/56 tiểu tiêu chí.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC

1. Cơ chế đầu tư

Về cơ chế đầu tư cho các xã điểm nông thôn mới để thực hiện bộ tiêu chí thiếu cụ thể, một số địa phương chưa thực sự tập trung chỉ đạo cũng như ưu tiên bố

trí vốn cho các xã điểm nông thôn mới để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu theo giai đoạn đã được xác định tại Quyết định 74 và Kế hoạch 97.

2. Về sản xuất nông nghiệp

- Sản xuất còn manh mún, các mô hình còn nhỏ lẻ (thuộc hộ và các nhóm hộ), những sản phẩm mới ở dạng hình thức, chưa tiêu biểu cho năng suất cao, chất lượng tốt, giá thành hạ. Thu nhập của người dân có tăng nhưng còn thấp.

- Chưa thu hút được các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa trong khi doanh nghiệp là nhân tố cốt lõi tham gia thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Sản phẩm nông nghiệp làm ra giá cả không ổn định, việc lựa chọn hướng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi của người dân còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến phương thức canh tác nhiều loại cây trên một diện tích đất sản xuất, làm hạn chế trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật và nâng cao chất lượng vùng chuyên canh.

- Một số lĩnh vực sản xuất còn khó khăn như quy hoạch thủy sản chưa thực hiện được; việc quản lý số bè nuôi cá của một số địa phương thiếu chặt chẽ.

3. Đối với lĩnh vực kinh tế tập thể

- Phần lớn các HTX có quy mô nhỏ, vốn ít, cơ sở vật chất còn hạn chế, không đưa tài sản thế chấp vay ngân hàng, công nghệ sản xuất lạc hậu; nội dung hoạt động đơn điệu, chưa thiết thực; chưa xây dựng được phương án kinh doanh khả thi... Từ đó khó thu hút và huy động vốn từ xã viên; chưa trở thành chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho xã viên để xã viên gắn bó với HTX; chưa có thị trường đầu ra sản phẩm ổn định... Từ đó chưa đủ sức cạnh tranh trong kinh tế thị trường.

- Hoạt động của một số tổ hợp tác còn tự phát; hoạt động còn mang tính hình thức; chưa đăng ký hoạt động với chính quyền địa phương nên gặp nhiều khó khăn trong giao dịch kinh tế và giải quyết vấn đề tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác và giữa tổ hợp tác với các thành phần kinh tế khác... Do đó hoạt động của tổ hợp tác chưa thực sự là bước đệm để phát triển HTX.

4. Tín dụng, ngân hàng

- Phần lớn các hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ, tính chất manh mún, có nhiều đối tượng sản xuất khác nhau, do vậy thời hạn vay khác nhau dẫn đến thời điểm trả nợ khác nhau nên việc thành lập tổ vay vốn liên đới gặp không ít khó khăn.

- Một số cấp xã, ấp khi phối hợp xét vay vốn ngân hàng còn mang nặng tính hình thức, chưa chú ý đến chất lượng hoạt động của tổ. Việc theo dõi quá trình thành lập, hoạt động của tổ vay vốn thiếu chặt chẽ dễ xảy ra hiện tượng tham ô, lợi dụng hoặc chây ì trả nợ, dẫn đến thất thoát vốn của ngân hàng.

5. Môi trường

Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải thông thường mặc dù đạt chỉ tiêu nhưng chất lượng xử lý chưa đạt yêu cầu. Nguyên nhân chủ yếu do khối lượng phát sinh lớn, khả năng lực lượng, đầu tư cơ sở, phương tiện thu gom chưa đáp ứng được yêu cầu.

6. Về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

- Về giao thông: Tỷ lệ nhựa hóa đường xã quản lý đạt còn thấp so mục tiêu chương trình đề ra (44,6%/70% tiêu chí đề ra), nhất là hệ thống giao thông ở các xã vùng sâu, vùng xa.

- Về thủy lợi: Một số công trình thủy lợi chưa được sửa chữa nâng cấp nên chưa phát huy hết hiệu quả; công tác kiên cố hóa kênh mương nội đồng thực hiện còn chậm, hiệu quả sử dụng nước chưa cao. Nguồn vốn đầu tư công trình thủy lợi lớn nên hạn chế khả năng đầu tư mới công trình. Công tác lập thủ tục giới thiệu địa điểm, thu hồi và cấp đất để xây dựng khu đầu mối một số công trình thủy lợi do thực hiện nhiều thủ tục, vì vậy tiến độ thực hiện còn chậm so với yêu cầu đặt ra.

- Về giáo dục: Cơ sở vật chất, trang thiết bị trong giáo dục mặc dầu đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, còn nhiều trường tiểu học, trung học cơ sở hiện chỉ đáp ứng được phòng học cho học sinh, các phòng chức năng khác như y tế, phòng bộ môn, phòng đa năng chưa được đầu tư đạt chuẩn. Một số địa phương còn nhiều trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đạt chuẩn về diện tích đất đai theo quy định.

- Về văn hóa - thể thao - du lịch: Công tác xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch khu vực nông thôn theo tinh thần Nghị quyết 05/2005/NQ-CP của Chính phủ còn gặp nhiều khó khăn, chưa có bước đột phá và thiếu bền vững. Việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở gặp nhiều trở ngại, vướng mắc, nhất là về kinh phí và quỹ đất, ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng xã nông thôn mới.

- Công tác điều hành của Cấp ủy, UBND xã: Một số xã chưa thực hiện tốt trong công tác phối hợp với các cấp để tháo gỡ những khó khăn của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới tại xã.

7. Nguyên nhân

Ngoài những nguyên nhân khách quan tác động như: Cơ chế, chính sách, giá cả thị trường, vật tư nông nghiệp tăng cao, còn những nguyên nhân chủ quan đó là:

- Công tác triển khai Quyết định 74 và Kế hoạch 97 về xây dựng nông thôn mới đã được quán triệt trong hệ thống chính trị các cấp từ tỉnh đến huyện, xã, nhưng sự phối hợp trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chưa thật đồng bộ, nên chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp và huy động nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới của các cấp, các ngành đã được triển khai nhưng chưa được sâu rộng, một số xã chưa triển khai đầy đủ nên nhận thức của nhân dân vùng nông thôn về chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ còn mang tính thụ động, chưa thực sự tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Việc chỉ đạo, lãnh đạo của Cấp ủy, chính quyền các cấp có quan tâm chỉ đạo nhưng chưa thực sự đi vào chiều sâu; một số Ban Chỉ đạo tại các địa phương hoạt động chưa đều tay, các thành viên trong Ban Chỉ đạo chưa thực hiện tốt trong công tác phối hợp với cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, mạnh ai nấy làm (cấp huyện); một số xã gần như khoán trắng cho chính quyền, thiếu sự phối hợp của các đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Phần II

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường văn hóa được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng lộ trình thực hiện 19 tiêu chí, Bộ Tiêu chí của tỉnh về nông thôn mới (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

a) Giai đoạn 2011 - 2013:

- Phần đầu trên 2,3% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ Tiêu chí của tỉnh (03 xã/136 xã) gồm có: Xã Xuân Định - huyện Xuân Lộc, xã Long Thọ - huyện Nhơn Trạch, xã Tân Bình - huyện Vĩnh Cửu.

- Năm 2011:

+ Hoàn thành nhiệm vụ lập đề án xây dựng xã nông thôn mới cho 33 xã vùng nông thôn của tỉnh;

+ Hoàn thành nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới đối với 33/120 xã vùng nông thôn có nhiệm vụ thực hiện lập quy hoạch;

- Năm 2012 - 2013:

+ Hoàn thành nhiệm vụ lập đề án xây dựng xã nông thôn mới cho 103/136 xã còn lại;

+ Hoàn thành quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới cho 87/120 xã vùng nông thôn có nhiệm vụ thực hiện lập quy hoạch;

- Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu tư, nâng dần tỷ lệ đạt các tiêu chí nông thôn mới của tỉnh;

Nội dung lập đề án và lập quy hoạch thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

b) Giai đoạn 2014 - 2015:

Phấn đấu trên 22% số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh (30 xã/136 xã), nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 33 xã chiếm tỷ lệ 24%;

11% số xã (15 xã/136 xã) đạt chuẩn từ 13 đến 15/19 tiêu chí; có 15% số xã (20 xã/136 xã) đạt chuẩn từ 10 đến 12/19 tiêu chí; 50% số xã (68 xã) còn lại đạt 07 - 09 tiêu chí theo Bộ Tiêu chí của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

- Đào tạo 100% cán bộ cơ sở về kiến thức tổ chức, quản lý, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới;

- Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngày càng được đầu tư, nâng dần tỷ lệ đạt các tiêu chí nông thôn mới của tỉnh;

- Nâng thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung khu vực nông thôn của tỉnh đến năm 2015 tăng lên 1,2 lần so với năm 2010, đạt thu nhập trên 26,132 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.292 USD); giá trị sản xuất trên một diện tích (01 ha) đất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 18,7%, đến năm

2015, đạt 92,41 triệu đồng/ha. Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 vùng nông thôn của tỉnh phấn đấu đến cuối năm 2015 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành của tỉnh (bình quân mỗi năm giảm 1,5% tỷ lệ hộ nghèo hiện hành).

c) Giai đoạn 2016 - 2020:

Phân đầu thực hiện đạt 56% số xã (76 xã) đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ Tiêu chí của tỉnh, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 109 xã chiếm tỷ lệ 80%; 20% số xã còn lại (27 xã/136 xã) đạt chuẩn từ 12 đến 14/19 tiêu chí theo Bộ

Tiêu chí của tỉnh.

- Hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho 80% số xã (109 xã) thực hiện giai đoạn 2011 - 2020 theo Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh;

- Nâng thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung khu vực nông thôn của tỉnh, đến năm 2020 tăng gấp 1,5 lần so với năm 2010, đạt 39,197 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.917 USD); giá trị sản xuất trên một diện tích (01 ha) đất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 18,7%, đến năm 2020, đạt 137,60 triệu đồng/ha. Kết thúc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo của tỉnh vào năm 2020;

Sau năm 2020:

Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới cho 20% số xã còn lại (27 xã); giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được đối với 80% số xã đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020.

2. Phạm vi thực hiện: Chương trình triển khai trên địa bàn 136 xã vùng nông thôn tỉnh Đồng Nai, lấy xã làm đơn vị thực hiện.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 01 của Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai, làm cơ sở để triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020.

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Năm 2011, thực hiện lập quy hoạch cho 33 xã điểm nông thôn mới/120 xã vùng nông thôn thực hiện công tác lập quy hoạch, đạt 27,5% số xã;

- Năm 2012, hoàn thành quy hoạch cho 87 xã/120 xã vùng nông thôn có nhiệm vụ thực hiện lập quy hoạch, đạt 100% số xã còn lại;

Nhiệm vụ 02: Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã:

- Năm 2011, thực hiện lập quy hoạch cho 33 xã điểm nông thôn mới/120 xã vùng nông thôn thực hiện công tác lập quy hoạch, đạt 27,5% số xã;

- Năm 2012, hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới cho 87 xã/120 xã vùng nông thôn có nhiệm vụ thực hiện lập quy hoạch, đạt 100% số xã còn lại;

Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, các xã phối hợp với cơ quan chức năng xây dựng quy hoạch, hoàn thành 100% trong năm 2012.

(16 xã còn lại, do nằm trong quy hoạch lên phường của thành phố, thị trấn của huyện, thị xã và nằm trong quy hoạch khu Sân bay Quốc tế Long Thành nên không nằm trong dự kiến lập quy hoạch nông thôn mới “Có danh sách kèm theo”).

c) Phân công quản lý, thực hiện

- Sở Tài nguyên - Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm 1, Nhiệm vụ 01 “Quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn xã”;

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Điểm 1, Nhiệm vụ 01 "Quy hoạch nông nghiệp và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn xã" theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2010/TT- BNNPTNT ngày 08/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn thực hiện Nhiệm vụ 02: "Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã" theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa hướng dẫn các xã rà soát, bổ sung và hoàn chỉnh 02 loại quy hoạch trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập quy hoạch, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đồng thời tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

2.1. Giao thông

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 02 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Hoàn thiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường huyện quản lý trên địa bàn các xã chưa đạt. Đến năm 2015 hoàn thành đạt chuẩn “100%” số xã theo tiêu chí (Tiêu chí 2: 2.1)

- Hoàn thiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường trục xã đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải. Đến năm 2015, có 35% số xã (47 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) hoàn thành đạt chuẩn theo nội dung tiêu chí (Tiêu chí 2: 2.2).

- Xây dựng đường trục các cấp trên địa bàn xã được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải. Đến năm 2015 có 35% số xã (47 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) hoàn thành đạt chuẩn theo nội dung tiêu chí (Tiêu chí 2: 2.3).

- Xây dựng đường ngõ vào các tổ dân cư được cứng hóa, sạch và không lầy lội vào mùa mưa. Đến năm 2015, có 35% số xã (47 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí (Tiêu chí 2: 2.4).

- Xây dựng đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện. Đến năm 2015 có 35% số xã (47 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020 có 45% số xã (62 xã) hoàn thành đạt chuẩn theo nội dung tiêu chí (Tiêu chí 2: 2.5.).

2.2. Thủy lợi

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 03 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Xây dựng hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. Đến năm 2015, có 45% số xã (61 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí (Tiêu chí 3.“3.1”).

- Hoàn thiện hệ thống kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa. Đến năm 2015, có 50% số xã (68 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí (Tiêu chí 3.“3.2”).

2.3. Điện nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 04 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã. Đến 2015 có 85% số xã (115 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020 có 15% số xã (21 xã) còn lại đạt chuẩn theo tiêu chí (Tiêu chí 4. “4.1”).

- Nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Đến năm 2015 có 60% số xã (81 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí; đến năm 2020 có 40% số xã (55 xã) còn lại đạt chuẩn theo nội dung tiêu chí (Tiêu chí 4. “4.2”).

2.4. Cơ sở vật chất trường học

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 05 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến 2015 có 35% số xã (48 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 06 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn xã.

- Đến năm 2015 có: 100% xã (136 xã) có Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng, trong đó Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 80% (109 xã); 50% số ấp có Nhà Văn hóa và Khu thể thao đạt chuẩn theo tiêu chí (quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Đến năm 2020 có: 100% xã (136 xã) có Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; có 100% số ấp có Nhà Văn hóa và Khu thể thao đạt chuẩn theo tiêu chí (quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

2.6. Cơ sở vật chất trụ sở xã và các công trình phụ trợ

a) Mục tiêu: Đạt mục tiêu theo nội dung Quyết định số 800/TTg ngày 04/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ. b) Nhiệm vụ:

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các công trình trụ sở xã và các công trình phụ trợ cho xã vùng nông thôn, đến năm 2015, có 85% số xã đạt chuẩn theo tiêu chí, đến năm 2020 có 100% số xã đạt chuẩn theo tiêu chí.

2.7. Chợ nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 07 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các công trình chợ nông thôn, đến năm 2015, có 50% số xã có nhu cầu đạt chuẩn theo tiêu chí, đến năm 2020 có 100% số xã có nhu cầu đạt chuẩn theo tiêu chí (trừ những xã không đủ điều kiện).

2.8. Bưu điện

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 08 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động tại các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông tại 136 xã (tiêu chí đã đạt 100%).

- Xây dựng áp có Internet. Đến 2015, có 50% số ấp trên địa bàn các xã có điểm truy nhập Internet. Đến năm 2020, có 75% số ấp trên địa bàn các xã có điểm truy nhập Internet.

2.9. Nhà ở dân cư

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 09 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho người dân không còn nhà tạm, dột nát.

Đến 2015, có 100% số hộ trên địa bàn các xã (136 xã) không còn nhà tạm, dột nát; số nhà ở kiên cố đạt 70% số xã (95 xã). Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) có nhà ở đạt chuẩn theo tiêu chí.

2.10. Phân công quản lý, thực hiện

- Sở Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 02: "Hoàn thiện hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã";

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 03: "Cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã";

- Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 04 và Tiêu chí số 07: "Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; hệ thống các công trình chợ nông thôn trên địa bàn xã";

- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 05: "Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã";

- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 06: "Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã";

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 08: "Xây dựng hoàn thiện các điểm phục vụ bưu chính viễn thông tại các xã";

- Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện hoàn chỉnh trụ sở xã và các công trình phụ trợ; hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 09: "Đề xuất hỗ trợ và tạo mọi điều kiện cho người dân không còn nhà tạm, dột nát; hướng dẫn hộ dân tại các xã xây dựng nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng".

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) hướng dẫn các xã xây dựng đề án, dự án, báo cáo đầu tư cho từng nhiệm vụ trên đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- UBND các xã xây dựng đề án, dự án, báo cáo đầu tư trình cấp có thẩm quyền thẩm định và trình UBND huyện hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tổ chức thực hiện.

3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 10 Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao;

- Đẩy mạnh phát triển các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực và xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

- Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp;

- Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

- Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm "Mỗi làng một sản phẩm", phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương;
- Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2011 - 2020 tăng trên 3,5%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 tăng 3,5 - 4%/năm;
- Giá trị sản xuất trên một diện tích (01 ha) đất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 18,7%, đến năm 2015, đạt 92,41 triệu đồng/ha và đến năm 2020, đạt 137,60 triệu đồng/ha. Hạn chế lấy đất nông nghiệp màu mỡ để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.
- Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung khu vực nông thôn của tỉnh, đến năm 2015, tăng 1,2 lần so với năm 2010, đạt thu nhập trên 26,132 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.292 USD); tăng 1,5 lần vào năm 2020, ước khoảng 39,197 triệu đồng/người/năm (tương đương 1.917 USD). Thu hẹp dần khoảng cách trong thu nhập, mức độ hưởng thụ các dịch vụ xã hội giữa thành thị và nông thôn.

3.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 12 Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn;
- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang công nghiệp dịch vụ, nâng tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp xuống dưới 30% vào năm 2015 và dưới 20% vào năm 2020; tăng nhanh lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật (qua đào tạo) đạt trên 40% vào năm 2015 và trên 65% vào năm 2020;

3.3. Phân công quản lý, thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Khoa học
- Công nghệ hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 10: “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế năng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn xã”.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 12: “Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn”.
- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án, dự án theo các nội dung trên đồng thời chỉ đạo thực hiện;
- Ủy ban nhân dân xã xây dựng đề án, dự án gửi cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đồng thời tổ chức thực hiện.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 11 Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh.

Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, giải pháp theo kế hoạch Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, phấn đấu đến cuối năm 2015 cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành của tỉnh, giảm bình quân mỗi năm 1,5% tỷ lệ hộ nghèo; đạt mục tiêu nêu trên. Sau năm 2015, Đồng Nai chuyển chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thành nội dung công tác thường xuyên của tỉnh.

Nhiệm vụ 02: Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua ngân hàng chính sách xã hội đảm bảo giảm nghèo bền vững, từng bước cải thiện mức sống của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 06 tuổi; chính sách cho người có công; chính sách hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp ở vùng khó khăn.

- Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Phân công quản lý, thực hiện

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các nội dung trên.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án, dự án theo các nội dung trên đồng thời chỉ đạo thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, dự án trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đồng thời tổ chức thực hiện.

5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 13 Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã:

Liên kết sản xuất hộ nông dân tập trung vào phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã. Đến 2015, có 65% số xã có tổ hợp tác và hơn 60% hợp tác xã đạt tiêu chí; đến 2020, có 80% số xã có tổ hợp tác và 70% hợp tác xã đạt chuẩn theo tiêu chí; tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo có trình độ từ cao đẳng trở lên đạt 40% và trình độ trung cấp đạt 30%.

Nhiệm vụ 02: Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn:

Phát triển từ kinh tế hộ gia đình lên trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp, HTX... Tăng năng suất lao động và thu nhập hộ nông nghiệp. Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản, phấn đấu đến 2015 có 35% sản phẩm tiêu thụ thông qua các hợp đồng kinh tế và đạt 60% vào năm 2020.

Nhiệm vụ 03: Xây dựng chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn “Liên hiệp hợp tác xã cùng ngành nghề, liên tổ hợp tác, liên kết doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác...”.

c) Phân công quản lý, thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 1.3 Tiêu chí số 13 “Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất”;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn (Nhiệm vụ 02) “Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn”.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án, dự án theo các nội dung trên đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nội dung 01, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo ở nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 14 Bộ Tiêu chí về nông thôn mới của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí của tỉnh về nông thôn mới.

Đến 2015, có 45% số xã (61 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí; đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 14 (giáo dục);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện và các xã chỉ đạo các phòng, ban chức năng, các đoàn thể thuộc địa phương thực hiện tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, vận động học sinh bỏ học ra lại lớp, có giải pháp hỗ trợ kịp thời những học sinh có hoàn cảnh, khó khăn được đến trường. Thực hiện tốt việc phát triển mạng lưới trường lớp phù hợp với nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn.

7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 15 Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nội dung: Tiếp tục thực hiện hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện huyện, trung tâm y tế dự phòng; hoàn thành cơ bản việc đầu tư nâng cấp trạm y tế xã, đảm bảo điều kiện để nâng cao năng lực khám chữa bệnh, chủ động phòng chống dịch bệnh nguy hiểm. Khuyến khích thành lập các bệnh viện tư nhân, các cơ sở khám chữa bệnh sử dụng kỹ thuật cao có vốn đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân nông thôn. Tổ chức tốt hệ thống y tế dự phòng, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân và kế hoạch hóa gia đình.

Đến 2015, có 50% số xã (68 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí; đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 15 (y tế);

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án, dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật theo nhiệm vụ trên, đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

8. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 16 Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới về văn hóa, đáp ứng yêu cầu Bộ Tiêu chí của tỉnh về nông thôn mới. Thực hiện Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 09/10/2010 của UBND tỉnh về phê duyệt đề án phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- Đến 2015, có 90% số ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo tiêu chí của Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh và quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đến 2020, có 100% số ấp còn lại đạt tiêu chuẩn theo Tiêu chí và quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Nhiệm vụ 02: Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 01 tiêu chí;

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 02 tiêu chí;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án, dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật theo nhiệm vụ trên, đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án, dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

9. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 17 Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh; đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã.

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Nâng tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95% vào năm 2015 và đạt 99% vào năm 2020;

Nhiệm vụ 02: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, áp theo quy hoạch, gồm: Xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong ấp, tổ; phù hợp quy hoạch; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã; hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh; chuồng trại gia súc, gia cầm chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định; cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng...

Đến 2015, có 35% số xã (47 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến năm 2020, có 80% số xã (109 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí. c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn thực hiện;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

10. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới;

Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, đào tạo và nâng cao phẩm chất, năng lực hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ công chức các cấp, các ngành ở địa phương và cơ sở. Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo cán bộ công chức xã. Đến năm 2015, có 100% cán bộ xã đạt chuẩn về chuyên môn; 80% cán bộ công chức xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước theo quy định; 60% cán bộ công chức xã đạt trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Đến năm 2020, có 90% cán bộ công chức xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước theo quy định; 70% cán bộ, công chức xã đạt trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

Nhiệm vụ 02: Tiếp tục thực hiện và bổ sung Quyết định 140-QĐ/TU ngày 21/3/2007 của Tỉnh ủy, Quyết định số 31/2008/QĐ-UBND ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời về trợ cấp thu hút cán bộ có trình độ cao đẳng và đại học về công tác tại xã, phường, thị trấn.

Nhiệm vụ 03: Bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Nhiệm vụ 04: Xây dựng đội ngũ nòng cốt (các đoàn thể) trong các phong trào thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng.

c) Phân công quản lý, thực hiện

- Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện Nhiệm vụ 01, 02, 03 Tiêu chí số 18 “Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh”.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ 04 “Hàng năm tổ chức ngày hội toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới ở từng ấp”.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án theo các nội dung có liên quan; đồng thời chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nhiệm vụ 01 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

11. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu Tiêu chí số 19 Bộ Tiêu chí về nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai (ban hành kèm theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 21/12/2010).

b) Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ 01: Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu;

- Hàng năm, Đảng ủy có Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự xã hội và “Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ”;

- Hàng năm phân loại xã về “Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ” đạt từ loại khá trở lên;

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

Nhiệm vụ 02: Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, áp hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở hạn chế đơn thư khiếu nại tố cáo.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra;

- Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là lực lượng công

an xã, dân quân tự vệ, dự bị động viên... Để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội;

Đến 2015, có 85% số xã (115 xã) đạt chuẩn theo tiêu chí; đến năm 2020, 100% số xã (136 xã) còn lại đạt chuẩn theo tiêu chí.

Nhiệm vụ 03: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nông dân ở vùng nông thôn.

- Công tác rà soát, thẩm định văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai, môi trường, khiếu nại tố cáo, trật tự, an toàn xã hội.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Công an tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện Nhiệm vụ 01, Nhiệm vụ 02 Tiêu chí số 19 “Giữ vững an ninh, trật tự xã hội vùng nông thôn”.

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp hướng dẫn thực hiện Nhiệm vụ 03 “Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nông dân ở vùng nông thôn”.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn các xã xây dựng đề án và tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng đề án theo nội dung nêu trên trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

IV. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện hoàn thành 19 Tiêu chí theo Bộ Tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020 trên địa bàn 136 xã vùng nông thôn của tỉnh, cần các nguồn vốn đầu tư để thực hiện tại các xã như sau:

Vốn đầu tư và nguồn đầu tư	Tỷ lệ % vốn đầu tư	Kinh phí (tỷ đồng)	Phân kỳ đầu tư	
			2011 - 2015	2016 - 2020
A. Vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020		26.650	15.990	10.660
- Nguồn đầu tư:				
+ Vốn ngân sách Nhà nước (vốn XDCB và vốn sự nghiệp)	40	10.660	6.396	4.264
+ Vốn tín dụng (bao gồm vốn tín dụng đầu tư phát triển và vốn tín dụng thương mại)	30	7.995	4.797	3.198

+ Vốn doanh nghiệp, HTX và các loại hình kinh tế khác	20	5.330	3.198	2.132
+ Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư	10	2.665	1.599	1.066
B. Dự phòng 10%	10	2.665	1.599	1.066
Tổng cộng vốn đầu tư (A + B)		29.315	17.589	11.726

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng nông thôn mới

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động từ tỉnh đến cơ sở, để mọi tầng lớp nhân dân vùng nông thôn được hiểu về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới và huy động cả hệ thống chính trị tham gia. Thường xuyên cập nhật, thông tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình này.

b) Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn của tỉnh. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Cơ chế huy động vốn

Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình này.

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu Quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn tỉnh.

b) Huy động tối đa nguồn lực tại địa phương để tổ chức triển khai chương trình.

c) Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc của tỉnh được ngân sách Nhà nước hỗ trợ sau phần đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

f) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

g) Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng:

- Vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được Trung ương phân bổ cho các tỉnh, thành phố theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề nông thôn theo Quyết định số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và vốn tín dụng thương mại.

h) Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% từ nguồn ngân sách cho: Công tác lập đề án và lập quy hoạch nông thôn mới, đường huyện quản lý, đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã, xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; kinh phí cho công tác đào tạo nghề, kiến thức xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ ấp, cán bộ hợp tác xã;

b) Hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách cho xây dựng các công trình: Cấp nước sinh hoạt; thoát nước thải khu dân cư, đường giao thông ấp, điện sinh hoạt, điện phục vụ cho sản xuất; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; nhà văn hóa ấp; công trình thể thao ấp; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, thủy sản.

c) Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh để bố trí phù hợp với nội dung được quy định tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 26/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 07/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về quy định tổ chức huy động, quản lý sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện hàng năm của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, phường, thị trấn.

4. Cơ chế đầu tư

a) Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban Quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

b) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, ấp, tổ có hướng dẫn cụ thể trong từng thời gian phù hợp với quy định.

c) Lựa chọn nhà thầu: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 03 hình thức:

- Giao các cộng đồng dân cư ấp, tổ (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng;

- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng;

- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành);

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng.

d) Ban giám sát cộng đồng gồm: Đại diện của Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc xã, các tổ chức xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình và do dân bầu ra để thực hiện giám sát các công trình cơ sở hạ tầng tại xã theo quy định hiện hành về giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Đào tạo cán bộ chuyên trách để triển khai chương trình mục tiêu Quốc gia:

Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách ở các cấp từ tỉnh đến cơ sở để triển khai có hiệu quả chương trình. Đồng thời, tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ tỉnh đến cơ sở.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và ban hành nội dung, tài liệu đào tạo, tổ chức tập huấn cán bộ xây dựng nông thôn mới.

6. Hợp tác Quốc tế trong xây dựng nông thôn mới

Vận động, hợp tác với các tổ chức Quốc tế hỗ trợ tư vấn và kỹ thuật cho chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn của tỉnh. Tranh thủ hỗ trợ vốn và vay vốn từ các tổ chức tài chính Quốc tế và các đối tác phát triển Quốc tế để tăng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

7. Điều hành, quản lý chương trình

Thành lập Ban Chỉ đạo để điều hành, quản lý chương trình: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thành lập Ban Chỉ đạo “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới” của tỉnh, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng ban Thường trực, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban, thành viên là Lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và Lãnh đạo của Ủy ban nhân dân

11 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh.

Cấp huyện, thị xã, thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới của huyện để chỉ đạo thực hiện chương trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Phó Trưởng ban Thường trực, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế huyện làm cơ quan Thường trực; các thành viên như thành phần của tỉnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - cơ quan Thường trực giúp Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn của tỉnh.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Các sở, ban, ngành được phân công thực hiện các nội dung của chương trình (tại Phần III) chịu trách nhiệm thực hiện:

- Xây dựng và hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách; hướng dẫn các địa phương xây dựng các đề án, dự án để thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh; đồng thời đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện ở cơ sở;

- Xây dựng kế hoạch 05 năm (2011 - 2015) và hàng năm về xây dựng xã nông thôn mới theo tiêu chí được phân công. Kế hoạch xây dựng phải nêu rõ về mục tiêu, nhiệm vụ (tên nội dung đầu tư, mục tiêu đầu tư, địa điểm đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư hàng năm và được thể hiện đến địa bàn từng xã), các giải pháp để tổ chức thực hiện.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan Thường trực Chương trình, có nhiệm vụ:

- Giúp Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện chương trình; chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình do các sở, ban, ngành và các UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện, tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo của tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan cân đối và phân bổ nguồn lực cho chương trình thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh; phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, quản lý thực hiện chương trình.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vốn từ ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện chương trình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ chế tài chính phù hợp với các đề án, dự án của chương trình; giám sát chi tiêu; tổng hợp quyết toán kinh phí chương trình; cơ chế lồng ghép các nguồn vốn.

e) Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng hoàn thành quy hoạch ở các xã theo Tiêu chí nông thôn mới.

f) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đồng Nai chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chính sách tín dụng của các ngân hàng tham gia thực hiện chương trình;

g) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của chương trình.

2. Trách nhiệm của địa phương

a) Xây dựng kế hoạch 05 năm (2011 - 2015, 2016 - 2020) và hàng năm về xây dựng xã nông thôn mới theo 19 tiêu chí Bộ Tiêu chí nông thôn mới của tỉnh Đồng Nai. Kế hoạch xây dựng phải nêu rõ về mục tiêu, nhiệm vụ (tên nội dung đầu tư, mục tiêu đầu tư, địa điểm đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư hàng năm và được thể hiện đến địa bàn từng xã), các giải pháp để tổ chức thực hiện; kế hoạch 05 năm và hàng năm gửi về cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng điều phối Chương trình - Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh để tổng hợp xây dựng kế hoạch chung của tỉnh về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức triển khai các chương trình trên địa bàn.

c) Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các phòng ban cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

d) Chủ động lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện chương trình và thực hiện chế độ báo cáo hàng quý, 06 tháng, 09 tháng và cả năm về Ban Chỉ đạo của tỉnh.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động đến cơ sở, để mọi tầng lớp nhân dân vùng nông thôn được hiểu về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới và huy động cả hệ thống chính trị tham gia. Thường xuyên cập nhật, thông tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình này. Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và các ngành có liên quan./.